

Số: 39/2022/QĐST-DS

*Ba Tri, ngày 12 tháng 8 năm 2022*

## **QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 341/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2020.

### **XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP N;

Địa chỉ trụ sở: 201 – 203 đường X phường Y, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP N.

Địa chỉ liên hệ: Lầu 3, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo giấy ủy quyền số: 427B/2020/UQQT – NHNA ngày 25/8/2020 của Ngân hàng TMCP N cho Công ty A.

Người được ủy quyền: Ông Hoàng Trọng T1 – Tổng giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo giấy ủy quyền số 209D/2020/UQ – AMC ngày 25/8/2020 của Chủ tịch Công ty A về việc ủy quyền khởi kiện và thi hành án cho ông Hoàng Trọng T1.

Ông Hoàng Trọng T1 ủy quyền cho: 1. Ông Vũ Duy N.  
2. Ông Nguyễn Văn T2. 3. Ông Phạm An N1.

(Văn bản ủy quyền số 349/2022/UQ-AMC ngày 08/6/2022)

Địa chỉ: SR18-SR19 Trung tâm thương mại K, phường Q, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Địa chỉ liên lạc: Số 11-11A-13, đường M, phường N, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị đơn:** 1. Chị Ngô Thị Phương H, sinh năm 1988;

2. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: ấp P, xã T, huyện Ba Tri, Bến Tre;

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1954;

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Chị H, anh S ủy quyền cho ông Nguyễn Văn O.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bị đơn anh Nguyễn Văn S và chị Ngô Thị Phương H đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền vay và tiền lãi tính đến ngày 04/8/2022 đối với 02 khoản vay tổng cộng 1.923.362.066 (Một tỷ chín trăm hai mươi ba triệu ba trăm sáu mươi hai ngàn không trăm sáu mươi sáu) đồng, trường hợp bị đơn anh S và chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản do ông Nguyễn Văn O và do ông Nguyễn Văn S đứng tên gồm:

1.1 Quyền sử dụng đất: thửa đất số 38, tờ bản đồ số 17, diện tích thế chấp 1667m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã T, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Văn O đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất được UBND huyện Ba Tri cấp ngày 04/12/2003.

2.2 Quyền sử dụng đất: thửa đất số 37, tờ bản đồ số 17, diện tích thế chấp 1804m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã T, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Văn O đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất được UBND huyện Ba Tri cấp ngày 04/12/2003.

3.3 Quyền sử dụng đất: thửa đất số 298, tờ bản đồ số 16, diện tích thế chấp 1000m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã T, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Văn O đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất được UBND huyện Ba Tri cấp ngày 04/12/2003.

4.4 Quyền sử dụng đất: thửa đất số 1068, tờ bản đồ số 16, diện tích thế chấp 136,6m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã T, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Văn O đứng

tên trong giấy chứng nhận QSD đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 28/3/2018.

5.5 Tàu cá tên Nhựt Phúc, trọng tải toàn phần 44 tấn; tổng công suất KW (CV): 287 (390); số máy: B10981, ký hiệu máy Hino F21C, số đăng ký BT – 98696 – TS. Thuộc sở hữu của anh Nguyễn Văn S.

Ngân hàng TMCP N được tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0001/2019/601-Cv, thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 01/SD-0001/2019/601-CV ngày 15/02/2019 và sửa đổi bổ sung số 02/SD-0001/2019/601-CV ngày 19/4/2019263/18/HĐTD/0302-6486 ngày 13/11/2018 đến khi bị đơn anh Nguyễn Văn S, chị Ngô Thị Phương H trả tất nợ cho Ngân hàng.

Chi phí tố tụng (xem xét thẩm định tại chỗ) là 1.000.000 (một triệu) đồng bị đơn anh Nguyễn Văn S và chị Ngô Thị Phương H tự nguyện chịu.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được giảm 50%: là 34.850.430 (Ba mươi bốn triệu tám trăm năm mươi ngàn bốn trăm ba mươi) đồng, bị đơn anh Nguyễn Văn S và chị Ngô Thị Phương H tự nguyện chịu.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP N được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.900.000đ theo biên lai thu tiền số 0004358 ngày 01/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi Cục THADS huyện Ba Tri;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Phạm Văn Long**